

Bản án số: **38/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/7/2023

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Thường
- Bà Trần Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Kiều Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị H** sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Z, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn X** sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Z, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn X chung sống với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M vào ngày 31/3/2005. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh X thường xuyên ghen tuông vô cớ, nhiều lần xúc phạm chị, dùng dao đe dọa chị nhiều lần nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Đến tháng 8/2022, chị nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án, sau đó Hòa giải viên tiến hành hòa giải, chị đã cho anh X cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm nên chị rút đơn khởi kiện nhưng anh X vẫn không thay đổi. Nay yêu cầu được ly hôn với anh X.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thanh S sinh ngày 27/10/2007 và

Nguyễn Thanh R sinh ngày 24/12/2013. Chị đồng ý giao cháu S và cháu R cho anh X nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

* Bị đơn là Nguyễn Văn X đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H, cho chị H được ly hôn với anh X, giao cháu S và cháu R cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung không xem xét. Chị H phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Chị Phan Thị H vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị H và anh X.

[2] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp ly hôn và bị đơn có địa chỉ tại thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Văn X chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn M cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 31/3/2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh X thường xuyên ghen tuông vô cớ, nhiều lần xúc phạm chị, dùng dao đe dọa chị nhiều lần và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Anh X không có ý kiến mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, điều đó thể hiện ý chí của anh X là không muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn. Ngoài ra vào tháng 8/2022, chị H nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án, sau đó Hòa giải viên tiến hành hòa giải, chị đã cho anh X cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm nên chị rút đơn khởi kiện. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh X.

[4] Về con chung: Chị Phan Thị H yêu cầu anh Nguyễn Văn X chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thanh S sinh ngày 27/10/2007 và Nguyễn Thanh R

sinh ngày 24/12/2013. Xét thấy, hiện cháu S và cháu R đang sống với anh X, anh X chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt, cháu S và cháu R có nguyện vọng sống với anh X khi cha mẹ ly hôn. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi của cháu S và cháu R nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu S và cháu R cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn X đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến và yêu cầu gì. Chị Phan Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản và nợ chung: Chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh S sinh ngày 27/10/2007 và Nguyễn Thanh R sinh ngày 24/12/2013 cho anh Nguyễn Văn X được trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Phan Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ghi nhận chị Phan Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu S và cháu R thành niên, lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. *Về án phí*: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0003342 ngày 12/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, chị H đã nộp xong án phí.

5. *Quyền kháng cáo*: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị H và anh X được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND thị trấn M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi